

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;
Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hoạt động của người, tàu, thuyền Việt Nam, nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyên cảng; thủ tục, kiểm tra, giám sát biên phòng và các hoạt động khác liên quan đến an ninh, trật tự; trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

2. Cảng quân sự phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này; trường hợp phục vụ mục đích thương mại thì áp dụng theo những quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan đối với cảng thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức, tàu, thuyền và các phương tiện khác của Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại cửa khẩu cảng biển phải chấp hành các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan; trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

2. Tàu, thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và tàu quân sự nước ngoài vào thăm nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến cửa khẩu cảng biển và cảng quân sự thực hiện theo quy định khác của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tàu, thuyền của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam đang làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại cửa khẩu cảng biển theo quy định riêng.

Điều 3. Cửa khẩu cảng biển

Cửa khẩu cảng biển là cảng biển được mở ra cho người, tàu, thuyền Việt Nam, nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Khu vực cửa khẩu cảng biển

1. Khu vực cửa khẩu cảng biển bao gồm vùng đất cảng và vùng nước cảng.

a) Vùng đất cảng là vùng đất được giới hạn để xây dựng cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, các công trình phụ trợ khác và lắp đặt trang thiết bị.

b) Vùng nước cảng là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác.

c) Phạm vi cụ thể của vùng đất cảng, vùng nước cảng trong khu vực cửa khẩu cảng biển thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được bố trí lực lượng, lắp đặt các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu cảng biển để đảm bảo yêu cầu nghiệp vụ, nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp cảng.

Điều 5. Trách nhiệm bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng biển

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan, chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng biển theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC, KIỂM TRA, GIÁM SÁT BIÊN PHÒNG**

Mục 1 **THỦ TỤC BIÊN PHÒNG**

Điều 6. Thời hạn thực hiện thủ tục biên phòng

1. Tàu, thuyền Việt Nam và nước ngoài phải làm thủ tục nhập cảnh tại cảng biển đầu tiên, khi từ nước ngoài vào Việt Nam và làm thủ tục xuất cảnh tại cảng biển cuối cùng, khi từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi tàu đã vào neo đậu an toàn tại vị trí theo chỉ định của Giám đốc Cảng vụ hàng hải, chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu hoặc người được uỷ quyền (sau đây gọi chung là người làm thủ tục) phải làm thủ tục biên phòng cho tàu nhập cảnh.

3. Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu rời cảng, người làm thủ tục phải làm thủ tục biên phòng cho tàu xuất cảnh. Riêng tàu khách và tàu chuyên tuyến, chậm nhất là ngay trước thời điểm tàu chuẩn bị rời cảng.

4. Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ, Biên phòng cửa khẩu cảng phải hoàn thành thủ tục biên phòng.

5. Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục biên phòng là thời điểm Biên phòng cửa khẩu cảng đã xác nhận hoàn thành thủ tục.

Điều 7. Địa điểm làm thủ tục biên phòng

1. Tại trụ sở chính hoặc Văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải. Đối với cửa khẩu cảng biển đã thiết lập mạng khai báo điện tử thì thủ tục biên phòng được thực hiện tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng.

2. Tại tàu trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 8. Thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng

Khi làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng, ngoài các giấy tờ phải nộp và xuất trình theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 27; điểm c khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải, người làm thủ tục phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng các giấy tờ sau:

1. Bản khai hàng hoá nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có).

2. Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

Điều 9. Quy định đối với tàu, thuyền quá cảnh

1. Trên đường quá cảnh, thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm quản lý thuyền viên, hành khách và hàng hoá trên tàu, giữ nguyên trạng thái niêm phong và hồ sơ biên phòng.

2. Hành khách quá cảnh theo tàu, thuyền đến cửa khẩu cảng biển, nếu chỉ ở trên tàu, thuyền hoặc khu vực dành riêng cho khách quá cảnh thì được miễn thị thực. Trường hợp hành khách xin phép vào nội địa hoặc xuất cảnh qua cửa khẩu khác phải có thị thực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trừ những trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên).

Điều 10. Quy định đối với tàu, thuyền chuyển cảng

1. Trên đường chuyển cảng, thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm quản lý thuyền viên, hành khách và hàng hoá trên tàu, giữ nguyên trạng thái niêm phong và hồ sơ chuyển cảng của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu rời cảng trước đó.

2. Tại cảng nơi đến, thuyền trưởng phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng hồ sơ chuyển cảng của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu rời cảng trước đó.

Điều 11. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng đối với tàu, thuyền chuyển cảng

1. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi đi:

a) Làm thủ tục cho tàu, thuyền chuyển cảng, lập và niêm phong hồ sơ giao thuyền trưởng chuyển cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến;

b) Thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng đến về tình hình chấp hành pháp luật của thuyền viên, tàu, thuyền chuyển cảng.

2. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng nơi đến:

a) Tiếp nhận hồ sơ chuyển cảng và thông báo ngay cho Biên phòng cửa khẩu cảng đi biết đã tiếp nhận nguyên vẹn hồ sơ biên phòng, niêm phong biên phòng;

b) Thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng đi về tình hình chấp hành pháp luật của thuyền viên, tàu, thuyền chuyển cảng.

Mục 2

KIỂM TRA, GIÁM SÁT BIÊN PHÒNG

Điều 12. Đối tượng kiểm tra, giám sát biên phòng

1. Tàu, thuyền Việt Nam và tàu, thuyền nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng.
2. Tàu, thuyền Việt Nam hoạt động trên tuyến nội địa trong phạm vi khu vực cửa khẩu cảng biển.
3. Các phương tiện khác của Việt Nam và nước ngoài ra, vào, hoạt động và neo đậu trong khu vực cửa khẩu cảng biển.
4. Người Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại cửa khẩu cảng biển.

Điều 13. Biện pháp kiểm tra, giám sát biên phòng

Để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển, Bộ đội Biên phòng được áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát sau:

1. Kiểm tra, kiểm soát giấy tờ đối với người, tàu, thuyền và các phương tiện khác ra, vào, hoạt động trong khu vực cửa khẩu cảng biển (trừ tàu, thuyền và cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng biển đang thực hiện nhiệm vụ).
2. Giám sát khu vực, tuần tra kiểm soát cơ động.
3. Giám sát trực tiếp tại cổng cảng, trạm kiểm soát, các mục tiêu hoặc trên tàu, thuyền Việt Nam và nước ngoài.
4. Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật và biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Giám sát biên phòng trực tiếp trên tàu, thuyền

Việc giám sát biên phòng trực tiếp trên tàu, thuyền chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Tàu, thuyền có dấu hiệu rõ ràng vi phạm pháp luật.
2. Trường hợp cần thiết để bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và phòng, chống dịch bệnh.

Chương III

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI, TÀU, THUYỀN

Điều 15. Tàu, thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng

Tàu, thuyền Việt Nam, nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và chuyển cảng phải được phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam và qua đúng cửa khẩu, luồng hàng hải, tuyến quá cảnh đã được phép.

Điều 16. Trách nhiệm của thuyền trưởng khi phát hiện có người trốn trên tàu, thuyền hoặc người bị nạn

1. Khi phát hiện người trốn trên tàu, thuyền, thuyền trưởng phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết, đồng thời thông báo ngay cho Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác đang hoạt động tại cửa khẩu cảng biển để xử lý theo thẩm quyền.

2. Khi phát hiện người bị nạn, thuyền trưởng phải thực hiện các biện pháp cần thiết để cứu người bị nạn; đồng thời thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải hoặc cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác đang hoạt động tại cửa khẩu cảng biển để phối hợp giải quyết.

Điều 17. Giấy tờ xuống tàu, thuyền nước ngoài

Người Việt Nam (trừ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng biển đang thực hiện nhiệm vụ), người nước ngoài (trừ thuyền viên thuộc định biên thuyền bộ và hành khách đi theo tàu) xuống tàu, thuyền nước ngoài để làm việc, tiến hành các hoạt động khác trong thời gian tàu, thuyền neo đậu trong khu vực cửa khẩu cảng biển phải có Giấy phép xuống tàu do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng.

Điều 18. Thuyền viên nước ngoài đi bờ

Trong thời gian tàu, thuyền nước ngoài neo đậu tại cửa khẩu cảng biển, thuyền viên trên tàu được phép đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có cửa khẩu cảng biển mà tàu, thuyền neo đậu và phải có Giấy phép đi bờ do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp. Trường hợp đi ra ngoài phạm vi nói trên hoặc xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu khác phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

Điều 19. Thủ tục đối với hành khách đã nhập cảnh muốn trở lại tàu, thuyền, đã xuất cảnh muốn trở lại nội địa và giao dịch khi tàu làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh

1. Hành khách đi trên tàu, thuyền nước ngoài nhập cảnh sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam để xuất cảnh bằng phương tiện khác nếu muốn trở lại tàu, thuyền phải được phép và chịu sự giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng. Hành khách đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh muốn trở lại nội địa phải làm lại thủ tục nhập cảnh.

2. Thuyền viên và hành khách khi chưa hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh thì không được rời khỏi tàu, thuyền và giao dịch với bất cứ ai ngoài hoa tiêu, các nhân viên công vụ của Việt Nam và nhân viên đại lý được uỷ quyền.

Điều 20. Giấy tờ của người nước ngoài đến làm việc, hoạt động tại cửa khẩu cảng biển

Người nước ngoài đến làm việc, hoạt động tại cửa khẩu cảng biển phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, giấy phép do Công an cấp tỉnh trở lên cấp và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng.

Điều 21. Từ chối nhập cảnh, quá cảnh hoặc tạm hoãn xuất cảnh

Vì lý do quốc phòng, an ninh, các lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội hoặc vì lý do đảm bảo an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, vi phạm pháp luật Việt Nam hoặc vì lý do khẩn cấp khác, người, tàu, thuyền Việt Nam và nước ngoài có thể bị từ chối nhập cảnh, quá cảnh hoặc tạm hoãn xuất cảnh qua cửa khẩu cảng biển theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ

Điều 22. Trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành

Các Bộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng biển và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có cửa khẩu cảng biển

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cửa khẩu cảng biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp dưới nơi có cảng biển và các lực lượng, cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

Điều 24. Trách nhiệm của Biên phòng cửa khẩu cảng

Chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng biển, doanh nghiệp cảng và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại cửa khẩu cảng biển.

Điều 25. Trách nhiệm phối hợp hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, lực lượng Công an, Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác hoạt động tại khu vực cửa khẩu cảng biển, doanh nghiệp cảng và chính quyền địa phương có trách nhiệm phối hợp với Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

2. Trong khi làm nhiệm vụ, cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng biển phải mặc trang phục, đeo biển, phù hiệu kiểm soát theo quy định của ngành, khi sử dụng phương tiện chuyên dùng phải có dấu hiệu riêng và treo Quốc kỳ Việt Nam.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 26. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Nghị định này thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 30. Trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra

Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
 - Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
 - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
 - Văn phòng Quốc hội;
 - Tòa án nhân dân tối cao;
 - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Kiểm toán Nhà nước;
 - BQL KKTCKQT Bờ Y;
 - Ngân hàng Chính sách Xã hội;
 - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
 - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
 - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
 - VPCP: BTCN, các PCN,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). A. 307

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng